

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 19-9-2025

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đông**;

2. Ông **Phan Dương Nhựt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Thọ** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Trịnh Hồng Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Kiều O**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Anh **Đỗ Ngọc T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Chị O có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị **Nguyễn Kiều O** và anh **Đỗ Ngọc T** tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau gay gắt, không có tiếng nói chung, chị O phát hiện anh T còn có hành vi ngoại tình với người khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị O, anh T có con chung là cháu **Đỗ Đình D**, sinh ngày 25/8/2021. Khi ly hôn chị O nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không hợp tác, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vắng mặt không có lý do tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Kiều O được ly hôn với anh Đỗ Ngọc T; giao cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 25/8/2021 cho chị Nguyễn Kiều O nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị O không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị O, anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ngoại tình, thường xuyên vắng mặt tại nhà, ăn chơi, cờ bạc, nợ nần nên tình cảm vợ chồng không còn, chị O không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy, anh T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, theo lời khai của chị O tại phiên tòa anh T một năm chỉ ở nhà vài ngày, chị O và cháu D hiện nay đang sống cùng cha mẹ ruột của chị O; các chứng cứ chị O cung cấp thể hiện anh T có quan hệ tình cảm không trong sáng với người khác giới cũng đủ cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã

đến mức trầm trọng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, xử cho cho chị O được ly hôn với anh Đỗ Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Chị O, anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 25/8/2021. Nguyên vọng của chị O sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, chị O không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyên vọng nuôi con của chị O thì thấy: Từ khi sinh con đến nay chị O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Chị O có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Hiện nay cháu D đang có cuộc sống ổn định cùng với mẹ và ông, bà ngoại; đang được chị O chăm sóc, giáo dục chu đáo, đảm bảo phát triển về mọi mặt. Theo trình bày của chị O, anh T thường xuyên đi làm ăn xa nếu giao con cho anh T thì sẽ không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục cháu D. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày nguyên vọng nuôi con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị O không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều O về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với anh Đỗ Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều O được ly hôn với anh Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đình D, sinh ngày 25/8/2021 cho chị Nguyễn Kiều O nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị Nguyễn Kiều O phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0001282 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/9/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng ;
- VKSND khu vực 5-Đà Nẵng;
- THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã T, thành phố Đà Nẵng;
- (Số 93/2019 ngày 20/11/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Minh Tân